

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2021/QĐST-VHNGĐ

Đông Hà, ngày 05 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2020/TLST-VHNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu “*Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1972 và chị Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: Số 130 Q 9, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Hữu D và Nguyễn Thị Thùy T đăng ký kết hôn ngày 27/6/2006 tại UBND Phường 5, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được. Anh D, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

[2] *Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Khôi N, sinh ngày 02/9/2009. Khi ly hôn, chị T và Anh D thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Khôi N cho Anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về lệ phí:* Anh Nguyễn Hữu D và chị Nguyễn Thị Thùy T thỏa thuận chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định (mỗi người 150.000 đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu D và chị Nguyễn Thị Thùy T (*Giấy chứng nhận kết hôn số 93; quyển số 01/2006*).

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khôi N, sinh ngày 02/9/2009 cho Anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 02/2021 cho đến khi cháu N thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Anh Nguyễn Hữu D và chị Nguyễn Thị Thùy T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở Anh D, chị T thực hiện quyền này.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Hữu D và chị Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về dân sự (mỗi người 150.000 đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà Anh D, chị T đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000866 ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Anh D, chị T đã nộp đủ lệ phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án, tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- CCTHADS TP. Đông Hà;
- UBND Phường 5, TP. Đông Hà;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hồ Thị Xuân Hương